

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VIỆT THÁI SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ QUỐC TẾ VIỆT THÁI SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET THAI SON INTERNATIONAL TRADING SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET THAI SON INTERNATIONAL TRADING

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109434816

**3. Ngày thành lập:** 26/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3 ngách 64 ngõ 255 Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in<br>Chi tiết:<br>- Đóng sách thành quyển, tạp chí, sách quảng cáo, catalo,... bằng cách gấp, xếp, khâu, dán hồ, kiểm tra thứ tự (trang sách), khâu lược, dán bìa, tĩa, xén, in tem vàng lên sách;<br>- Xếp chữ, sắp chữ, sắp chữ in, nhập dữ liệu trước khi in bao gồm quét và nhận biết chữ cái quang học, tô màu điện tử;<br>- Dịch vụ làm đĩa bao gồm sắp hình ảnh và sắp đĩa (để in ôp-sét và in sắp chữ);<br>- Khắc chạm, khắc axit trên trục lăn cho khắc kẽm;<br>- Xử lý đĩa trực tiếp sang đĩa (cũng bao gồm đĩa nhựa);<br>- Chuẩn bị đĩa và nhuộm nhằm làm giảm công việc in ấn và dán tem;<br>- In thử;<br>- Các sản phẩm nghệ thuật bao gồm in thạch bản và mộc bản (phiến gỗ để làm các bản khắc);<br>- Sản xuất các sản phẩm sao chụp;<br>- Thiết kế các sản phẩm in như bản phác thảo, maket, bản nháp;<br>- Các hoạt động đồ họa khác như khắc rập khuôn, rập khuôn tem, in nổi, in dùi lỗ, chạm nổi, quét dầu và dát mỏng, kiểm tra thứ tự và sắp xếp.<br> | 1812     |
| 3.  | Sao chép bản ghi các loại<br>(Loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1820     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới bán hàng hóa<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                           | 4610 |
| 5.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                                                                                                                                                                         | 4631 |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                       | 4633 |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649 |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                      | 4669 |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Loại nhà nước cho phép)                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 10. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                | 4711 |
| 11. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                     | 4719 |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                      | 4721 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                       | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                         | 4723 |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng<br>chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4761 |
| 16. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong<br>các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                             | 4772 |
| 17. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                        | 4799 |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ<br>vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                 | 4931 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố<br>định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô                                                | 4932 |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                   | 4933 |
| 21. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                            | 5210 |
| 22. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                | 5225 |

|     |                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển<br>- Logistics<br>- Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu | 5229        |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết:<br>- Khách sạn<br>- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự             | 5510        |
| 26. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                              | 5590        |
| 27. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                           | 5610        |
| 28. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                        | 5621        |
| 29. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                            | 5629        |
| 30. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                         | 5630        |
| 31. | Quảng cáo<br>(loại Nhà nước cho phép)                                                                                                                                                           | 7310        |
| 32. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra)                                                                                           | 7320        |
| 33. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                  | 7911        |
| 34. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế                                                                                                                | 7912        |
| 35. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                             | 7990        |
| 36. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                           | 8211        |
| 37. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                        | 8219        |
| 38. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                    | 8220        |
| 39. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                      | 8230(Chính) |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (mặt hàng Nhà nước cho phép)                                | 8299        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 41. | <p>Giáo dục thể thao và giải trí</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dạy yoga.</li> <li>- Dạy thể thao, cắm trại;</li> <li>- Dạy thể dục;</li> <li>- Dạy bơi;</li> <li>- Dạy võ thuật;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8551 |
| 42. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Dạy đọc nhanh;</li> </ul>                                                                                                                                                               | 8559 |
| 43. | <p>Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bao gồm: sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp.</p> <p>Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác.</p> <p>(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)</p> | 9000 |
| 44. | <p>Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề);</li> <li>- Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..;</li> <li>- Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền;</li> <li>- Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí;</li> <li>- Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên</li> </ul>      | 9329 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG THỊ THU UYÊN  | Cụm 11, Xã Vông Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     | 017527801                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                   | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần phổ thông         | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
| 2   | ĐẶNG THỊ NHƯ QUỲNH | Cụm 11, Xã Vông Xuyên, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông         | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | C2881970                                                                                    |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số                   | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |

|   |                |                                                                                 |                                    |        |             |        |           |  |
|---|----------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|-----------|--|
| 3 | TRẦN XUÂN THUY | Thôn Nam Trại,<br>Xã Bắc Hải,<br>Huyện Tiên Hải,<br>Tỉnh Thái Bình,<br>Việt Nam | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  | 151481712 |  |
|   |                |                                                                                 | Tổng số                            | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 |           |  |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 60.000 | 600.000.000 | 60,000 |           |  |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |           |  |
|   |                |                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN XUÂN THUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/11/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151481712

Ngày cấp: 05/10/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Nam Trại, Xã Bắc Hải, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1112, chung cư HH3B Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội